

Số: 122 /TB-PTSCDV- ATCL

Hải Phòng, ngày 17 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc chào phí Bảo hiểm cho tài sản năm 2025

Hiện nay, Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ có nhu cầu mua Bảo hiểm cho tài sản năm 2025 và mời Quý Công ty tham gia chào phí với các điều kiện sau:

1. Tài sản được bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm, mức trách nhiệm, mức khấu trừ, tỷ lệ phí bảo hiểm.

1.1. Tài sản được bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm:

a. Bảo hiểm cho phương tiện vận tải và xe ô tô:

Stt	Tên tài sản	Năm SX	SL	Số chỗ	Trọng tải hàng hóa mua BH (tấn)	Mục đích sử dụng	Giá trị đề nghị mua bảo hiểm
1.	Ô tô Toyota Hiace BKS 15B-02139	2015	1	16		KKDVT	393.660.000
2.	Ô tô CRV 2.4AT BKS 15A-00658	2010	1	5		KKDVT	275.562.000
3.	Ô tô Innova BKS 16M-1533	2008	1			KKDVT	
4.	Đầu kéo FAW BKS 15H-12255	2009	1	3	28,4	KDVT	145.800.000
5.	Rơ moóc HUANYA BKS 16R-4832	2009	1			KDVT	40.824.000
6.	Đầu kéo FAW BKS 15H-10723	2009	1	3	28,4	KDVT	145.800.000
7.	Rơ moóc HUANYA BKS 16R-4850	2009	1			KDVT	40.824.000
8.	Đầu kéo FAW BKS 15C-03143	2011	1	3	21,4	KDVT	153.090.000
9.	Rơ moóc DOOSUNG BKS 15R-00843	2011	1			KDVT	85.293.000
10.	Đầu kéo FAW BKS 15C-07523	2013	1	3	25,1	KDVT	177.147.000
11.	Rơ moóc DOOSUNG BKS 15R-02965	2013	1			KDVT	85.293.000
12.	Đầu kéo FAW BKS 15C-10518	2014	1	3	21,5	KDVT	216.513.000

13.	Rơ mooc DOOSUNG BKS 15R-04218	2014	1			KDVT	85.293.000
14.	Đầu kéo FAW BKS 15C-10303	2014	1	3	21,5	KDVT	216.513.000
15.	Rơ mooc DOOSUNG BKS 15R-04221	2014	1			KDVT	85.293.000
16.	Đầu kéo FAW BKS 15C-28724	2018	1	3	26,8	KDVT	315.900.000
17.	Rơ mooc DOOSUNG BKS 15R-13117	2018	1			KDVT	145.800.000
18.	Đầu kéo FAW BKS 15C-32581	2013	1	3	26,6	KDVT	167.670.000
19.	Rơ mooc YINDAO BKS 15R-04774	2014	1			KDVT	72.900.000
20.	Đầu kéo FAW BKS 15C-32455	2013	1	3	26,6	KDVT	160.380.000
21.	Rơ mooc GOODTIMES BKS 15R-14252	2015	1			KDVT	87.480.000
22.	Đầu kéo FAW BKS 15H-06850	2023	1	2	15,065	KDVT	769.500.000
23.	Rơ mooc YONGCHAO BKS 15RM-00545	2023	1			KDVT	245.250.000
24.	Đầu kéo FAW BKS 15H-06880	2023	1	2	15,065	KDVT	769.500.000
25.	Rơ mooc YONGCHAO BKS 15RM-00409	2023	1			KDVT	245.250.000
26.	Rơ mooc HUANYA BKS 15R-09951	2009	1			KDVT	40.824.000
	Tổng cộng		26	52	256,43		5.167.359.000

KKDVT: Không kinh doanh vận tải.

KDVT: kinh doanh vận tải.

- Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe:
Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm bắt buộc theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ. Trách nhiệm bồi thường về sức khỏe, tính mạng và tài sản đối với người thứ ba, hành khách do xe cơ giới tham gia giao thông, hoạt động gây ra.
- Bảo hiểm thiệt hại vật chất xe:
Điều khoản bổ sung:
 - o 006: Không tính khấu hao phụ tùng, vật tư thay thế.
 - o 007: Lựa chọn cơ sở sửa chữa chính hãng.
 - o 008: Bảo hiểm thiệt hại động cơ do ảnh hưởng của nước.
- Bảo hiểm Tai nạn lái, phụ xe và người ngồi trên xe ô tô (TNLPX&NNTX):
Trách nhiệm bồi thường cho những tai nạn xảy ra với người được bảo hiểm có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng chiếc xe đó.
- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với hàng hóa trên xe:

Bảo hiểm cho những tổn thất hàng hóa vận chuyển trên xe trong những trường hợp xe bị đâm, va, lật, đổ, rơi, chìm, cháy, nổ; bị các vật thể khác rơi, va chạm vào; những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên như bão, lũ lụt, sạt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần.

b. Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mở rộng các rủi ro:

Stt	Tên tài sản	Thời gian đưa vào sử dụng	Nguyên giá tài sản đầu kỳ	Giá trị đề nghị mua bảo hiểm
1.	Kho hàng CFS và phần nâng cấp	28/8/2009	13.928.414.727	4.225.939.733
2.	Nhà điều hành	28/10/2009	4.043.425.267	1.549.979.727
3.	Nhà ăn ca và dịch vụ	28/10/2009	1.210.545.947	464.042.642
4.	Nhà để xe 2 bánh	28/10/2009	404.997.771	155.249.066
5.	Nhà tắm, nhà vệ sinh	28/10/2009	463.056.118	177.504.918
6.	Nhà thường trực	28/10/2009	319.334.903	122.411.653
7.	Nhà cân + trạm cân	28/10/2009	201.528.051	77.252.451
8.	Tháp nước	28/10/2009	1.090.213.538	249.840.678
9.	Nhà giao ca	25/01/2010	443.148.528	174.305.044
10.	Nhà giao ca (phần nâng cấp)	19/3/2018	2.165.308.182	1.264.883.034
11.	Trạm cấp Dầu nội bộ	29/4/2010	203.777.272	50.944.312
12.	Khu vực kiểm soát hàng hóa ra vào cổng cảng và phần nâng cấp	21/3/2016	2.953.700.909	296.717.381
13.	Hệ thống kiểm tra container	16/8/2017	281.241.437	69.604.893
14.	Hệ thống điện chiếu sáng khu cảng mở rộng	27/01/2021	442.998.001	258.415.501
15.	Xưởng cơ khí	28/10/2009	2.351.080.887	128.545.328
16.	Máy phát điện 800 KVA FG WILSON	26/4/2011	2.901.658.716	126.918.574
17.	Máy phát điện Cummins	17/12/2015	5.486.400.000	571.369.356
18.	Máy phát điện	26/01/2010	2.173.499.980	59.418.043
19.	01 tủ bù KVAR cho trạm TBA số 2 cấp điện cho TUKAN 4	15/4/2017	173.070.600	34.614.120
20.	01 tủ phân phối cho trạm TBA số 2 cấp điện cho TUKAN 4	15/4/2017	123.583.600	24.716.752
21.	01 Tủ cấp nguồn cho bãi cont lạnh tại trạm biến áp số 1	19/4/2012	34.564.000	1.511.854
22.	02 Tủ cấp nguồn cho bãi cont lạnh tại trạm biến áp số 2	20/4/2012	150.280.000	6.573.272
23.	05 Tủ cấp nguồn cho bãi cont lạnh tại trạm biến áp số 1+2	23/4/2012	403.378.000	17.643.779

24.	05 Tủ cấp nguồn cho container lạnh	24/12/2015	307.675.000	23.075.662
25.	03 Tủ cấp nguồn cho container lạnh	31/12/2015	164.460.000	12.334.500
26.	05 tủ điện cấp nguồn cho container lạnh	25/12/2018	284.765.000	106.786.850
27.	Gầu ngoạm + thiết bị điều khiển gầu (02 cái)	15/11/2009	5.340.231.864	1.215.053.105
28.	Trạm biến áp 1250 KVA	23/02/2024	2.289.775.505	2.041.716.499
Tổng cộng				13.507.368.727

Cháy;

Nổ;

Mở rộng các rủi ro đặc biệt được bảo hiểm:

- Máy bay và các phương tiện hàng không khác hoặc các thiết bị trên phương tiện đó rơi vào;
- Nổi loạn, bạo động dân sự, đình công, bẽ xướng hoặc hành động của những người tham gia các cuộc gây rối lao động hay những người có ác ý không hành động nhân danh hay có liên quan đến bất kỳ tổ chức chính trị;
- Giông, bão, lũ lụt;
- Vỡ hay tràn nước từ các bể chứa, thiết bị chứa nước hay đường ống dẫn;
- Dâm va bởi xe bộ hành hay súc vật không thuộc quyền sở hữu hay kiểm soát của người được bảo hiểm hoặc của người làm thuê cho họ;
- Lửa ngầm dưới đất.

c. Bảo hiểm máy móc và thiết bị chủ thầu cho xe nâng hàng:

Stt	Tên tài sản	Thời gian đưa vào sử dụng	Nguyên giá tài sản đầu kỳ	Giá trị đề nghị mua bảo hiểm
1.	Xe nâng RSD 45 Tấn (E1)	16/6/2009	9.309.338.561	283.485.221
2.	Xe nâng Kalmar DFR450-75C5XS 45 Tấn (E4)	20/12/2013	6.592.745.455	472.392.000
3.	Xe nâng chụp container TEREX 45 Tấn (E5)	06/3/2015	10.200.654.545	918.058.865
4.	Xe nâng chụp container TEREX 45 Tấn (E6)	08/01/2016	10.200.454.545	765.034.077
5.	Xe nâng 10 Tấn (K1)	03/7/2009	1.097.887.985	40.017.979
6.	02 Xe nâng 5 Tấn (F1+F2)	12/8/2009	1.353.538.722	57.559.263
7.	Xe nâng 2,5 Tấn TCM (F4)	06/3/2015	750.000.000	61.875.000
8.	Xe nâng hiệu KOMATSU FB18RL-14 số khung 144295 1,8 Tấn đã qua sử dụng (F5)	08/3/2022	245.000.000	119.097.214
Tổng cộng				2.717.519.619

Tổn thất hoặc hư hại bất ngờ không lường trước được về mặt vật chất do bất kỳ nguyên nhân nào không bị loại trừ theo Quy tắc bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu (Munich Re) tới mức độ cần phải thay thế sửa chữa cần thiết của hạng mục hay bất kỳ các bộ phận của hạng mục này.

d. Bảo hiểm mọi công trình dân dụng đã hoàn thành cho Cầu cảng PTSC Đình Vũ 20.000DWT mở rộng:

Stt	Tên tài sản	Thời gian đưa vào sử dụng	Nguyên giá tài sản đầu kỳ	Giá trị đề nghị mua bảo hiểm
Cầu cảng PTSC Đình Vũ 20.000 DWT mở rộng				
1.	Bến mở rộng	23/3/2020	30.765.428.045	25.637.856.725
2.	Kè tường đứng BTCT	23/3/2020	26.629.203.376	22.191.002.836
3.	Kè thượng lưu	23/3/2020	42.421.545	35.351.265
4.	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật	23/3/2020	1.977.201.729	1.647.668.109
5.	Các hạng mục khác	23/3/2020	17.567.992.350	14.639.993.610
Tổng cộng			76.982.247.045	64.151.872.545

Các tổn thất vật chất bất ngờ và không lường trước được do các nguyên nhân sau:

- Cháy, sét, nổ, va chạm của xe cộ trên đất liền hay các phương tiện dưới nước;
- Va chạm của máy bay hoặc các phương tiện hàng không hoặc các thiết bị trên đó rơi vào;
- Động đất, núi lửa, sóng thần;
- Bão;
- Lũ lụt, tác động của sóng hay nước;
- Đất sụt, đất lở, đá lở hay những di chuyển khác của đất;
- Sương giá, tuyết lở, băng;
- Hành động phá hoại của từng cá nhân riêng rẽ.

e. Bảo hiểm công trình dân dụng đã hoàn thành cho Cầu tàu và kè sau cầu:

Stt	Tên tài sản	Thời gian đưa vào sử dụng	Nguyên giá tài sản đầu kỳ	Giá trị đề nghị mua bảo hiểm
1.	Cầu tàu + kè sau cầu	15/11/2009	143.905.562.158	69.954.092.653
Tổng cộng				69.954.092.653

Các tổn thất vật chất bất ngờ và không lường trước được do các nguyên nhân sau:

- Cháy, sét, nổ, va chạm của xe cộ trên đất liền hay các phương tiện dưới nước;
- Va chạm của máy bay hoặc các phương tiện hàng không hoặc các thiết bị trên đó rơi vào;
- Động đất, núi lửa, sóng thần;
- Bão;

- Lũ lụt, tác động của sóng hay nước;
- Đất sụt, đất lở, đá lở hay những di chuyển khác của đất;
- Sương giá, tuyết lở, băng;
- Hành động phá hoại của từng cá nhân riêng rẽ.

f. Bảo hiểm máy móc và thiết bị chủ thầu cho Cầu trục chân đế Tukan tâm với đến 37m D5:

Stt	Tên tài sản	Thời gian đưa vào sử dụng	Nguyên giá tài sản đầu kỳ	Giá trị đề nghị mua bảo hiểm
1.	Cầu trục chân đế Tukan tâm với đến 37m D5	01/3/2023	84.260.721.071	75.483.562.621
	Tổng cộng			75.483.562.621

Tồn thất hoặc hư hại bất ngờ không lường trước được về mặt vật chất do bất kỳ nguyên nhân nào không bị loại trừ theo quy tắc bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu (Munich Re) tới mức độ cần phải thay thế sửa chữa cần thiết của hạng mục hay bất kỳ các bộ phận của hạng mục này.

g. Bảo hiểm máy móc và thiết bị chủ thầu cho Cầu đế Tukan 03,04; Cầu đế Liebherr 01,02 và các bộ khung chụp:

Stt	Tên tài sản	Thời gian đưa vào sử dụng	Nguyên giá tài sản đầu kỳ	Giá trị đề nghị mua bảo hiểm
1.	Cầu đế Tukan 03	15/11/2012	58.480.177.409	22.661.068.681
2.	Khung chụp Broma cho cầu đế Tukan 03	24/12/2012	3.010.000.000	1.166.374.997
3.	Cầu đế Tukan 04	25/5/2015	60.665.866.823	30.838.482.336
4.	Khung chụp Broma cho cầu đế Tukan 04	25/5/2015	3.341.309.091	1.698.498.790
5.	Cầu đế Liebherr 01	15/11/2009	29.636.118.575	7.952.464.868
6.	Cầu đế Liebherr 02	15/11/2009	30.701.699.072	8.498.435.522
7.	02 khung chụp bán tự động 20" và 02 khung chụp bán tự động 40"	01/7/2020	3.366.000.000	1.767.150.000
8.	01 khung chụp tự động 20". Model: SAC 20-4/A/36T	02/02/2024	1.087.800.000	960.890.000
9.	01 khung chụp tự động 40". Model: SAC 40-5/A/40T	02/02/2024	1.362.200.000	1.203.276.662
	Tổng cộng			76.746.641.856

Tồn thất hoặc hư hại bất ngờ không lường trước được về mặt vật chất do bất kỳ nguyên nhân nào không bị loại trừ theo quy tắc bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu (Munich Re) tới mức độ cần phải thay thế sửa chữa cần thiết của hạng mục hay bất kỳ các bộ phận của hạng mục này.

1.2. Mức trách nhiệm: yêu cầu chào phí chi tiết cho từng tài sản được bảo hiểm.

- 1.3. Mức khấu trừ: yêu cầu chào phí chi tiết cho từng tài sản được bảo hiểm.
- 1.4. Tỷ lệ phí bảo hiểm: yêu cầu chào phí chi tiết cho từng tài sản được bảo hiểm.
- 2. Người được bảo hiểm, địa chỉ và thời hạn bảo hiểm :**
Bảo hiểm cho tài sản trên của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ.
Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
Thời hạn bảo hiểm: từ 08h00' ngày 31/3/2025 đến 08h00' ngày 31/3/2026.
- 3. Phí chào:** Chào phí bằng tiền VNĐ, đã bao gồm các loại thuế, phí liên quan.
- 4. Hồ sơ năng lực, kinh nghiệm của NCC:** Đạt xếp hạng tài chính ở mức tốt trở lên, tương đương B+ (được đánh giá bởi các tổ chức xếp hạng quốc tế A.M best/ Standard & Poor/ Fitch/ Moody's...).
- 5. Điều kiện thanh toán:**
Hình thức thanh toán: chuyển khoản bằng VND chi tiết như sau:
- Chia làm 04 đợt thanh toán đối với các tài sản thuộc nhóm bảo hiểm công trình dân dụng đã hoàn thành, bảo hiểm máy móc và thiết bị chủ thầu cho Cầu trục chân đế 37m D5: Cầu đế Tukan 03, 04; Liebherr 01, 02 và các bộ khung chụp. Thanh toán trong vòng 25 ngày đầu tiên của tháng đầu tiên các Quý 2, 3, 4/2025 và Quý 1/2026 (tính đến hết kỳ bảo hiểm của năm).
 - 01 lần 100% giá trị phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự của các phương tiện vận tải và xe ô tô sau khi cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.
 - 01 lần 100% giá trị phí bảo hiểm trong thời gian 25 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm đối với:
 - o Bảo hiểm máy móc và thiết bị chủ thầu đối với xe nâng hàng;
 - o Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mở rộng các rủi ro khác;
 - o Bảo hiểm vật chất phương tiện vận tải và xe ô tô.
- 6. Thời gian nộp hồ sơ chào phí:** Hoàn thành chào phí trước 17h00' ngày 25/3/2025.
- 7. Thời gian hiệu lực của chào phí:** Hiệu lực của bản chào phí tối thiểu 15 ngày kể từ ngày lập và gửi bản chào phí.
- 8. Số lượng, hình thức chào phí yêu cầu:** 01 bộ hồ sơ bao gồm chào phí kỹ thuật và chào phí thương mại được niêm phong trong 01 phong bì kín.
- 9. Các điều khoản và điều kiện khác:**
- Yêu cầu cung cấp đầy đủ Hồ sơ năng lực (đăng ký kinh doanh, hợp đồng tương tự ...) khi được mời đến đàm phán hợp đồng.
 - Mẫu chào phí như tài liệu kèm theo, cụ thể:
 1. Bảo hiểm cho các phương tiện vận tải và xe ô tô;
 2. Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mở rộng các rủi ro;
 3. Bảo hiểm máy móc và thiết bị chủ thầu;
 4. Bảo hiểm công trình dân dụng đã hoàn thành của chủ thầu.
- 10. Để biết thêm thông tin chi tiết về hàng hóa/ dịch vụ cần chào phí, đề nghị Quý Công ty gửi đến:**

Phòng An toàn Chất lượng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
Lô 2.1, khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3979710 Fax: 0225.3979712

Chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Cty;
- Lưu: VT, ATCL -ĐVH-01



PHÓ GIÁM ĐỐC
Vũ Văn Hùng

**BẢN CHÀO PHÍ
BẢO HIỂM XE Ô TÔ**

(Mẫu kèm theo Thông báo số 22./TB-PTSCDV-ATCL ngày 18/03/2025)

Điều khoản bảo hiểm																	
Phạm vi bảo hiểm	<ol style="list-style-type: none">1. Bảo hiểm bắt buộc/ tự nguyện TNDS của chủ xe;2. Bảo hiểm tai nạn lái, phụ xe và người ngồi trên xe3. Bảo hiểm TNDS Chủ xe đối với hàng hóa vận chuyển trên xe ô tô;4. Bảo hiểm thiệt hại vật chất xe ô tô;																
Số xe được bảo hiểm xe ô tô chi tiết như sau: <table border="1" style="width: 100%;"><thead><tr><th>BKS / SK / SM</th><th>Nhãn hiệu xe</th><th>Năm SX / Năm đăng ký lần đầu</th><th>Mục đích sử dụng</th></tr></thead><tbody><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></tbody></table>	BKS / SK / SM	Nhãn hiệu xe	Năm SX / Năm đăng ký lần đầu	Mục đích sử dụng												
BKS / SK / SM	Nhãn hiệu xe	Năm SX / Năm đăng ký lần đầu	Mục đích sử dụng														
Thời hạn bảo hiểm																	
Loại hình bảo hiểm																	
1. Bảo hiểm TNDS của chủ xe ô tô :																	
2. Bảo hiểm tai nạn lái, phụ xe và người ngồi trên xe:																	
3. Bảo hiểm TNDS Chủ xe đối với hàng hóa vận chuyển trên xe ô tô:																	
4. Bảo hiểm thiệt hại vật chất xe ô tô :																	
Tổng cộng phí bảo hiểm																	
Hiệu lực của bản chào																	
Hình thức thanh toán																	

BẢN CHÀO PHÍ
BẢO HIỂM CHÁY NỔ BẮT BUỘC MỞ RỘNG CÁC RỦI RO

(Mẫu kèm theo Thông báo số 122/TB-PTSCDV-ATCL ngày 17/03/2025)

Người được bảo hiểm	
Địa chỉ	
Ngành nghề kinh doanh	
Loại hình bảo hiểm	
Tài sản được bảo hiểm	
Địa điểm được bảo hiểm	
Phạm vi bảo hiểm	
Thời hạn bảo hiểm	
Điều khoản bảo hiểm	
Số tiền bảo hiểm theo khai báo	
Tỷ lệ phí bảo hiểm	
Phí bảo hiểm	
Mức khấu trừ	
Hiệu lực bản chào	
Hình thức thanh toán	

**BẢN CHÀO PHÍ BẢO HIỂM
MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ CHỦ THẦU**

(Mẫu kèm theo Thông báo số 122/TB-PTSCDV-ATCL ngày 17/03/2025)

Người được bảo hiểm			
Địa chỉ			
Ngành nghề kinh doanh			
Loại hình bảo hiểm:			
Máy móc thiết bị được bảo hiểm			
Địa điểm được bảo hiểm			
Rủi ro được bảo hiểm			
Thời hạn bảo hiểm			
Điều khoản bảo hiểm			
Số tiền bảo hiểm theo khai báo	STT	Tên tài sản	Số tiền bảo hiểm theo khai báo (VND)
		TỔNG	
Tỷ lệ phí bảo hiểm			
Phí bảo hiểm			
Mức khấu trừ			
Hiệu lực bản chào			
Hình thức thanh toán			

**BẢN CHÀO PHÍ BẢO HIỂM
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG ĐÃ HOÀN THÀNH**

(Mẫu kèm theo Thông báo số 122/TB-PTSCDV-ATCL ngày 17/03/2025)

Người được bảo hiểm	
Địa chỉ	
Ngành nghề kinh doanh	
Loại hình bảo hiểm	
Công trình được BH	
Địa điểm công trình	
Phạm vi bảo hiểm	
Thời hạn bảo hiểm	
Điều khoản bảo hiểm	
Số tiền bảo hiểm theo khai báo	
Tỷ lệ phí bảo hiểm	
Phí bảo hiểm	
Mức khấu trừ	
Hiệu lực bản chào	
Hình thức thanh toán	